

Số: 43/2026/CNTH-TB

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất ở tại 03 mặt bằng: Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty;
Khu dân cư mới Rọc Quả, thôn Đồng Tiến 1 và Khu dân cư Cồn Quý, thôn Dân
Quý, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá:

- UBND xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Số 06 đường 515c thôn Dân Quyền Dân Sinh Xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh
Hóa

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Vị trí khu đất đấu giá:

- MBQH Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty: Lô CL02-34. Diện tích 113,4 m².
- MBQH Khu dân cư mới Rọc Quả, thôn Đồng Tiến 1: gồm 03 lô đất, lô B12, B13 và B14. Tổng diện tích: 363,8 m².
- MBQH Khu dân cư Cồn Quý, thôn Dân Quý: Gồm 45 lô đất, lô LK1:1; LK1:7; LK1:8; từ LK:10 đến LK1:26; từ LK2:14 đến LK2:24; từ LK3:19 đến LK3:21; từ LK4:2 đến LK4:9; LK4:15; LK4:16 và LK5:8. Tổng diện tích: 5.752,12 m²

3.2. Giá khởi điểm, diện tích và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

- * Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*
- * Tổng diện tích các lô đất đưa ra đấu giá: 6.229,32 m², gồm 49 lô đất.
- * Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá: Các lô đất đấu giá đã được bồi thường GPMB và đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật theo MBQH được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

- 5.1. Tiền mua hồ sơ: 100.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).



5.2. Tiền đặt trước: Từ 180.816.000 đồng đến 484.200.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng, bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Phiên đấu giá.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người yêu cầu đấu giá tiếp). Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (*có dấu đỏ*), (*trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá*);

- Bản sao CC/CCCD của người tham gia đấu giá (*Còn thời hạn*).

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (*nếu có ủy quyền*).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức Phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (*Trong giờ hành chính*):

+ Tại trụ sở UBND xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa: Từ 07h00' ngày 06/05/2026 đến 17h00' ngày 19/05/2026

+ Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h00' ngày 06/05/2026 đến 17h00' ngày 20/05/2026

* Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 20/05/2026

- Xem tài sản (*Trong giờ hành chính*): Liên tục trong 03 ngày: từ 07h00' ngày 12/05/2026 đến 17h00' ngày 14/05/2026 tại thực địa khu đất đấu giá.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH, Quy chế và thông báo, được niêm yết tại UBND xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa và trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian: Từ 07h00' ngày 06/05/2026 đến 17h00' ngày 20/05/2026

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 3525201010869

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh Thiệu Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: “Họ tên người tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá tại xã Thiệu Toán (Số lượng lô đất)”.

+ Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị “**Báo có**” vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00' ngày 20/5/2026. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 20/5/2026 sẽ không hợp lệ.

- Tổ chức Phiên đấu giá: Vào hồi 08h00 phút ngày 24/5/2026 – Chủ nhật tại Hội trường UBND xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Công ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa (đăng Q/C);
- UBND xã Thiệu Toán (N/Y);
- Đảng ủy xã Thiệu Toán (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.



44- C
NG TY
HỢP DA
QUỐC GI
NHÃNH
NH HÓA
A.T. TH



Kiều Thị Lan



Thanh Hóa, ngày 04 tháng 5 năm 2026

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất tại 03 mặt bằng: Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty; Khu dân cư Rọc Quả, thôn Đồng Tiến 1 và Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo Thông báo số: 43/2026/CNTH-TB ngày 04/5/2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

ST T	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Hệ số	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/01 hồ sơ/ 01 lô đất)	Ghi chú
I	MBQH Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty							
1	CL02-34	113,40	6.000.000	1,0	680.400.000	100.000	340.200.000	
II	Khu dân cư Rọc Quả, thôn Đồng Tiến 1							
1	B12	110,20	3.500.000	1,0	385.700.000	100.000	192.850.000	
2	B13	123,00	3.500.000	1,0	430.500.000	100.000	215.250.000	
3	B14	130,60	3.500.000	1,0	457.100.000	100.000	228.550.000	
III	Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý							
1	LK1:1	138,73	5.000.000	1,0	693.650.000	100.000	346.825.000	
2	LK1:7	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
3	LK1:8	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
4	LK1:10	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
5	LK1:11	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
6	LK1:12	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
7	LK1:13	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
8	LK1:14	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
9	LK1:15	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
10	LK1:16	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
11	LK1:17	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
12	LK1:18	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
13	LK1:19	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	

14	LK1:20	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
15	LK1:21	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
16	LK1:22	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
17	LK1:23	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
18	LK1:24	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
19	LK1:25	134,96	3.840.000	1,2	518.246.400	100.000	259.123.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
20	LK1:26	142,79	3.840.000	1,2	548.313.600	100.000	274.156.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
21	LK2:14	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
22	LK2:15	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
23	LK2:16	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
24	LK2:17	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
25	LK2:18	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
26	LK2:19	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
27	LK2:20	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
28	LK2:21	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
29	LK2:22	175,76	3.840.000	1,2	674.918.400	100.000	337.459.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
30	LK2:23	129,81	3.200.000	1,0	415.392.000	100.000	207.696.000	
31	LK2:24	147,27	3.200.000	1,0	471.264.000	100.000	235.632.000	
32	LK3:19	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
33	LK3:20	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
34	LK3:21	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
35	LK4:2	153,39	3.200.000	1,0	490.848.000	100.000	245.424.000	
36	LK4:3	148,28	3.200.000	1,0	474.496.000	100.000	237.248.000	
37	LK4:4	122,07	3.200.000	1,0	390.624.000	100.000	195.312.000	
38	LK4:5	130,47	3.200.000	1,0	417.504.000	100.000	208.752.000	
39	LK4:6	113,01	3.200.000	1,0	361.632.000	100.000	180.816.000	
40	LK4:7	137,24	3.200.000	1,0	439.168.000	100.000	219.584.000	
41	LK4:8	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
42	LK4:9	121,00	3.200.000	1,0	387.200.000	100.000	193.600.000	
43	LK4:15	151,74	3.840.000	1,2	582.681.600	100.000	291.340.000	Tiếp giáp 2 mặt đường

44	LK4:16	135,20	3.200.000	1,0	432.640.000	100.000	216.320.000	
45	LK5:8	161,40	6.000.000	1,2	968.400.000	100.000	484.200.000	Tiếp giáp 2 mặt đường
Tổng 49 lô đất		6.229,32			21.449.478.000		10.724.737.000	